

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 40/1999/
NĐ-CP ngày 23/6/1999 về Công an
xã.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 195/TBTW ngày 25 tháng 1 năm 1999;

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công an xã, góp phần giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Công an xã, Công an thị trấn ở những nơi không bố trí lực lượng Công an chính quy (sau đây gọi chung là Công an xã) là lực lượng vũ trang bán chuyên trách là công cụ trọng yếu của Đảng và Nhà nước ở xã, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Công an cấp trên.

Điều 2. Công an xã có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân xã về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; làm nòng cốt xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện các biện pháp công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật nhằm

bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn xã.

Điều 3. Công an xã hoạt động theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa của Công an xã để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm tham gia xây dựng và giúp đỡ lực lượng Công an xã thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC VÀ
TRANG BỊ CỦA CÔNG AN XÃ**

Điều 5. Công an xã có nhiệm vụ sau đây:

1. Nắm vững tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, đề xuất với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã và cơ quan Công an cấp trên về những chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tổ chức thực hiện những chủ trương, kế hoạch, biện pháp đó;

2. Làm nòng cốt trong việc xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho nhân dân; hướng dẫn các tổ chức quần chúng làm công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã;

3. Thực hiện các biện pháp công tác nghiệp vụ để phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên;

4. Thực hiện các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự công cộng và trật tự an toàn giao thông, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, chất dễ cháy; quản lý hộ khẩu; kiểm tra việc thực hiện các quy định về an ninh, trật tự trên địa bàn xã theo thẩm quyền được phân cấp;

5. Lập hồ sơ đối với những người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc diện cần áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định. Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, giáo dục đối tượng trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

6. Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu nạn nhân; bắt người phạm tội quả tang, tổ chức bắt người có lệnh truy nã, người có lệnh truy bắt hành chính đang lẩn trốn trong địa bàn xã; tiếp nhận và dẫn giải người bị bắt lên Công an cấp trên;

7. Xây dựng lực lượng Công an xã thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và nghiệp vụ. Đẩy mạnh phong trào thi đua vì an ninh Tổ quốc theo tiêu chuẩn và hướng dẫn của Công an cấp trên;

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã và Công an cấp trên giao.

Điều 6. Công an xã có các quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra đôn đốc các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn xã và công dân trong xã thực hiện các quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật;

2. Trong khi tuần tra, canh gác được kiểm tra giấy tờ, hàng hóa, phương tiện đối với người có dấu hiệu phạm tội hoặc vi phạm hành chính trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện các biện pháp quản lý hành chính và các quyết định xử lý vi phạm hành chính về an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Công an cấp trên;

4. Trong trường hợp đuổi bắt người phạm tội quả tang, người đang có lệnh truy nã, cấp cứu người bị nạn, được huy động người và phương tiện giao thông của công dân trên địa bàn xã và phải trả lại ngay các phương tiện giao thông khi tình huống trên đây không còn sau đó phải báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Trường hợp phương tiện huy động bị hư hỏng thì chủ phương tiện được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trưởng Công an xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã và Công an cấp trên về toàn bộ hoạt động của Công an xã.

Phó trưởng Công an xã giúp việc Trưởng Công an xã, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Công an xã và thay mặt Trưởng Công an xã khi được ủy quyền.

Điều 8. Công an viên chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn dân cư do mình phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội do Trưởng Công an xã giao.

Điều 9.

1. Tổ chức Công an xã gồm có: Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và công an viên.

Công an viên được bố trí theo thôn, làng, ấp, bản.

Căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu của việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc bố trí lực lượng công an xã cho phù hợp.

2. Công an xã được sử dụng con dấu riêng.

Điều 10.

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có lý lịch rõ ràng, trong sạch, trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có sức khỏe, có trình độ văn hóa cần thiết, có năng lực và hiểu biết nhất định về pháp luật và được nhân dân tín nhiệm thì có thể được lựa chọn tham gia lực lượng Công an xã.

2. Trưởng Công an xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn.

Phó trưởng Công an xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Trưởng Công an cấp huyện.

Công an viên do Trưởng Công an xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận.

3. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên phải được huấn luyện, bồi dưỡng về pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công an.

Điều 11.

1. Công an xã được trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Công an cấp trên.

2. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được cấp Giấy chứng nhận, biển hiệu và các phương tiện cần thiết khác để phục vụ công tác.

Chương III

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG AN XÃ

Điều 12. Phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được quy định như sau:

1. Trưởng Công an xã được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn;

2. Một Phó trưởng Công an xã được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng mức phụ cấp của các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ;

3. Công an viên được hưởng phụ cấp hàng tháng tối thiểu bằng một phần ba (1/3) phụ cấp của Trưởng Công an xã.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và cân đối nguồn ngân sách của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức phụ cấp hàng tháng cho Công an viên từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 13.

1. Trong thời gian tập trung huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ Công an xã được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định của pháp luật; khi đi công tác được thanh toán tiền công tác phí như cán bộ cấp xã.

2. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên trong khi làm nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm hoặc dũng cảm làm những công việc cấp bách phục vụ quốc phòng, an ninh, dũng cảm cứu người và tài sản của Nhà nước, của nhân dân mà bị hy sinh thì được xem xét công nhận là liệt sĩ; trường hợp bị thương, mất sức lao động từ 21% trở lên thì được hưởng các chế độ chính sách như thương binh theo quy định hiện hành. Trong thời gian bị thương phải nằm điều trị tại các cơ sở y tế quân, dân y thì được thanh toán tiền chi phí điều trị từ nguồn ngân sách địa phương.

3. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã

khi nghỉ việc được hưởng chế độ trợ cấp quy định tại khoản a, b Điều 4 của Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ.

Điều 14. Kinh phí cho hoạt động của Công an xã được bảo đảm từ các nguồn sau đây:

1. Ngân sách nhà nước chi cho công tác an ninh;
2. Quỹ an ninh, trật tự của địa phương;
3. Kinh phí chi cho hoạt động quản lý, hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng lực lượng Công an xã thì được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 16. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã, Công an viên lập thành tích xuất sắc trong công tác, chiến đấu thì được xét khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Công an.

Điều 17. Người nào mạo danh Công an xã hoặc cản trở, chống đối Công an xã đang thi hành công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn huy động, sử dụng Công an xã làm trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên lợi dụng chức vụ, quyền hạn xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách

nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Bộ Công an chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp việc xây dựng lực lượng công an xã; quy định chương trình, nội dung bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ và pháp luật, mẫu giấy chứng nhận, biển hiệu, quy định số lượng, chủng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã; bảo đảm kinh phí huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật và trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã.

Điều 21. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Công an xã theo thẩm quyền và theo sự chỉ đạo của Công an cấp trên; bố trí trụ sở hoặc địa điểm làm việc cho Công an xã; cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Công an xã và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Công an xã theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 22. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây về Công an xã trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 23. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI